

Bản án số: **283/2024/KDTM-ST**
Ngày: 27/9/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Hồng Hải

2/ Ông Nguyễn Bảo Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phi Yên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Mỹ – Kiểm sát viên

Trong các ngày 20 và 27 tháng 9 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 187/2023/TLST-KDTM ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 642/2024/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 411/2024/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 8 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 36/2024/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 9 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V1 (V2)

Trụ sở: H L, phường L, quận B, TP . Hà Nội

Địa chỉ liên lạc: Tầng A, tòa nhà A C, Phường D, Quận C, TP . Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Đình M, sinh năm 1995 (có mặt)

Theo văn bản ủy quyền số 2454/2024/UQ-KHDNMN ngày 22/03/2024

2. Bị đơn: Công ty TNHH M1

Trụ sở: D N, Phường A, quận T, TP . Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972

Người đại diện ủy quyền: Ông Trần Anh T1, sinh năm 1999 (có mặt)

Địa chỉ: 2 L, Phường G, quận G, TP . Hồ Chí Minh

Theo giấy ủy quyền ngày 11/01/2024

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972

Địa chỉ: E T, phường T, quận T, TP . Hồ Chí Minh (số M L, phường T, quận T, TP . Hồ Chí Minh)

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Anh V, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: 2 L, Phường G, quận G, TP . Hồ Chí Minh

Theo giấy ủy quyền ngày 20/8/2024 tại Văn phòng C1, Thành phố Hồ Chí Minh

3.2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: E T, phường T, quận T, TP . Hồ Chí Minh (số M L, phường T, quận T, TP . Hồ Chí Minh)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V1 (V2) do ông Lê Đình M làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty TNHH M1 đã vay vốn tại V2 theo Hợp đồng cho vay số Q11/22462 ngày 12/10/2022 và được giải ngân theo Khế ước nhận nợ số 131022-5981713-ONL-1 ngày 13/10/2022, cụ thể:

Số tiền vay: 4.500.000.000 đồng.

Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 13/10/2022 đến ngày 13/04/2023.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất hàng may mặc.

Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 13% năm. Lãi suất được tính theo năm với 01 năm là 365 ngày.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C đã thế chấp:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là nhà ở của bên thế chấp tại thửa số MP(2,7), tờ bản đồ số 13(BĐĐC), địa chỉ E T, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là địa chỉ B L, T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 797672701324292, hồ sơ gốc số 7503/2007/UB.GCN do UBND quận T cấp ngày 06/11/2007, theo Hợp đồng thế chấp ngày 11/10/2022 tại Văn phòng C2, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 11/10/2022.

Hiện nay, các tài sản bảo đảm do khách hàng quản lý và sử dụng, V2 chỉ quản lý giấy tờ tài sản bảo đảm. Khách hàng không phối hợp bàn giao tài sản để V2 xử lý theo quy định dù V2 đã nhiều lần yêu cầu khách hàng thực hiện các nghĩa vụ theo các hợp đồng đã ký.

Ngoài ra, ông Nguyễn Văn T cam kết bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang về việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TNHH M1 phát sinh từ các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa V2

và Công ty TNHH M1 theo Hợp đồng bảo lãnh số Q11/22462/HDBL ngày 12/10/2022.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty TNHH M1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ và toàn bộ khoản vay đã chuyển thành nợ quá hạn kể từ ngày 13/04/2022.

Tạm Tính đến ngày 27/9/2024, Công ty TNHH M1 đã thanh toán cho V2 số tiền:

Nợ gốc: 2.620 đồng

Nợ lãi: 305.332.046 đồng

Tổng cộng: 305.334.666 đồng

(Ba trăm lẻ năm triệu, ba trăm ba mươi bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Tạm Tính đến ngày 27/9/2024, Công ty TNHH M1 còn nợ V2 số tiền:

Nợ gốc: 4.499.997.380 đồng

Nợ lãi quá hạn: 1.391.598.683 đồng

Nợ lãi chậm trả : 1.324.249 đồng

Tổng cộng: 5.892.920.312 đồng

(Năm tỷ, tám trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, tám trăm lẻ sáu đồng).

V2 đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty TNHH M1, người liên quan để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty TNHH M1 và người liên quan cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Vì vậy, kính đề nghị Quý Tòa xem xét và phán quyết buộc:

Công ty TNHH M1 phải trả ngay một lần cho V2 tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 27/9/2024 là:

Nợ gốc: 4.499.997.380 đồng

Nợ lãi quá hạn: 1.391.598.683 đồng

Nợ lãi chậm trả : 1.324.249 đồng

Tổng cộng: 5.892.920.312 đồng

(Năm tỷ, tám trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, tám trăm lẻ sáu đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 28/9/2024, Công ty TNHH M1 vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, nợ lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V2.

Trường hợp Công ty TNHH M1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ cho V2 thì V2 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho V2.

Trường hợp Công ty TNHH M1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ cho V2 thì V2 có quyền yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ thay Công ty TNHH M1 cho V2.

Bị đơn Công ty TNHH M1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị

C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V1 (V2) do ông Lê Đình M làm đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa ngày 20/9/2024, bị đơn Công ty TNHH M1 do ông Trần Anh T1 đại diện theo ủy quyền không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của V2 do Công ty TNHH M1 không ký khế ước nhận nợ với V2. Tại phiên tòa ngày 27/9/2024, sau khi Hội đồng xét xử công khai chứng cứ V2 bổ sung để các bên tiếp cận thì Công ty TNHH M1 không chối bỏ việc có nợ V2 và đề nghị Tòa án xét xử theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T do ông Nguyễn Anh V không có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì giữa các bên đã phát sinh quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn Công ty TNHH M1 có trụ sở tại D N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Hợp đồng cho vay hạn mức số Q11/22462 ngày 12/10/2022 thì V2 đồng ý cấp hạn mức cho vay cho Công ty TNHH M1 số tiền 4.500.000.000 đồng; thỏa thuận sử dụng hệ thống tự động trong lập, gửi, giao kết hồ sơ tín dụng số Q11/22462/TTONL ngày 12/10/2022 thì giữa V2 và Công ty TNHH M1 có thỏa thuận sử dụng Hệ thống tự động do bên Ngân hàng phát triển để tiếp nhận, trao đổi thông tin, tài liệu, ký kết hợp đồng, chứng từ giao dịch giữa Bên Ngân hàng

và Khách hàng để thực hiện cấp tín dụng, giải ngân, sử dụng vốn vay và các giao dịch khác liên quan, việc sử dụng hệ thống trên cơ sở gửi và ký số Chứng từ giao dịch. Thực hiện thỏa thuận trên V2 đã giải ngân cho Công ty TNHH M1 theo Khế ước nhận nợ số 131022-5981713-ONL-1 ngày 13/10/2022 theo đó, V2 đồng ý cho Công ty TNHH M1 vay số tiền vay: 4.500.000.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 13/10/2022 đến ngày 13/04/2023; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất hàng may mặc; Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 13% năm. Lãi suất được tính theo năm với 01 năm là 365 ngày, khế ước đã được hai bên ký số vào ngày 13/10/2022, cùng ngày 13/10/2022 V2 đã giải ngân vào tài khoản số 201840392 của Công ty TNHH M1 số tiền 4.500.000.000 đồng, sau đó thực hiện lệnh chuyển cho Công ty CP T2, tài khoản số 9082830888 tại A số tiền 2.076.408.000 đồng, Công ty CP T3, tài khoản số 233283429 tại A số tiền 2.423.592.000 đồng. Như vậy, việc V2 đã thực hiện việc giải ngân đúng như thỏa thuận của hai bên.

Căn cứ biên bản làm việc ngày 22/8/2023 giữa V2 và Công ty TNHH M1 thì V2 thông báo cho N gốc và lãi tính đến 22/8/2023 là 4.850.354.853 đồng, V2 yêu cầu Công ty TNHH M1 tắt toán khoản vay, Công ty TNHH M1 tiếp nhận thông tin và yêu cầu V2 bán tài sản bảo đảm với mức giá 7.000.000.000 đồng để thanh toán khoản vay. Như vậy, trong quá trình vay cũng như xử lý khoản nợ xấu Công ty TNHH M1 vẫn thừa nhận nợ đối với V2.

Tính đến ngày 27/9/2024, Công ty TNHH M1 còn nợ V2 số tiền:

Nợ gốc: 4.499.997.380 đồng

Nợ lãi quá hạn: 1.391.598.683 đồng

Nợ lãi chậm trả : 1.324.249 đồng

Tổng cộng: 5.892.920.312 đồng

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1 (V2) yêu cầu Công ty TNHH M1 trả lại số tiền gốc và lãi là 5.892.920.312 đồng đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận.

Căn cứ Hợp đồng thế chấp ngày 11/10/2022 tại Văn phòng C2, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 11/10/2022, thì ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C đã thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là nhà ở của bên thế chấp tại thửa số MP(2,7), tờ bản đồ số 13(BĐĐC), địa chỉ E T, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là địa chỉ B L, T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 797672701324292, hồ sơ gốc số 7503/2007/UB.GCN do UBND quận T cấp ngày 06/11/2007 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản vay của Công ty TNHH M1 theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1 (V2) yêu cầu trong trường hợp Công ty TNHH M1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP V1 (V2) có quyền yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm trên là phù hợp với hợp đồng thế chấp đã ký và phù hợp với quy định tại Điều 294, 299, 320, 323 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Căn cứ Hợp đồng bảo lãnh số Q11/22462/HDBL ngày 12/10/2022 thì ông Nguyễn Văn T cam kết bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang về việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TNHH M1 phát sinh từ các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa V2 và Công ty TNHH M1.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1 (V2) yêu cầu trong trường hợp Công ty TNHH M1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ cho V2 thì V2 có quyền yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ thay Công ty TNHH M1 cho V2 là phù hợp với quy định tại Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Về thời hạn: Nguyên đơn yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1 (V2).

[4] Về án phí và chi phí tố tụng:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 294, 299, 320, 323, 342, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1.1. Buộc Công ty TNHH M1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V1 (V2) số tiền 5.892.920.312 (Năm tỷ tám trăm chín mươi hai triệu chín trăm hai mươi ngàn ba trăm mười hai) đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án có thẩm quyền.

Công ty TNHH M1 tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh tính từ ngày 28/9/2024 theo mức lãi suất đã thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Trường hợp Công ty TNHH M1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP V1 (V2) có quyền yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là nhà ở của bên thế chấp tại thửa số MP(2,7), tờ bản đồ số 13(BĐĐC), địa chỉ E T, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là địa chỉ B L, T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 797672701324292, hồ sơ gốc số 7503/2007/UB.GCN do UBND quận T cấp ngày 06/11/2007, theo Hợp đồng thế chấp ngày 11/10/2022 tại Văn phòng C2, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 11/10/2022.

Trường hợp Công ty TNHH M1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ cho V2 thì V2 có quyền yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ thay Công ty TNHH M1 cho V2.

1.2. Công ty TNHH M1 có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng TMCP V1 (V2) số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Công ty TNHH M1 phải chịu phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 113.892.920 (một trăm mười ba triệu tám trăm chín mươi hai ngàn chín trăm hai mươi) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP V1 (V2) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.478.690 (năm mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm chín mươi) đồng theo biên lai thu số 0024201 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành

án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND QTB;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS QTB;
- Lưu hồ sơ, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Vân